

HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

TOWARDS A GREEN ECONOMY IN VIETNAM - OPPORTUNITY AND CHALLENGE

Đỗ Thị Hoa Liên^(*)

TÓM TẮT

Kinh tế xanh là “nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái” [6]. Chuyển đổi phương thức phát triển – Hướng tới phát triển “Kinh tế xanh” ở Việt Nam là hướng tiếp cận mới, có nhiều khó khăn, thách thức song xét về dài hạn đây là hướng tiếp cận phù hợp với xu thế phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu.

Từ khóa: *Kinh tế xanh, kinh tế xanh ở Việt Nam, hướng tới nền kinh tế xanh.*

1. KINH TẾ XANH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế xanh cùng với các nước trong khu vực và trên thế giới. Ngày 25 tháng 09 năm 2013, Chính phủ đã thông qua Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh. Đồng thời, trong thời gian qua các hoạt động nội hàm có liên quan đến kinh tế xanh đã và đang được triển khai ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới như “kinh tế Cac bon thấp”, “giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu”, “tăng trưởng xanh”, “công nghệ xanh”, “việc làm xanh”. Định hướng chuyển đổi sang nền kinh tế xanh ở nước ta được đặt trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp: Khủng hoảng tài chính; nợ công châu Âu; biến đổi khí hậu toàn cầu... Tuy nhiên, không chỉ do tác động của bối cảnh quốc tế mà do nội tại nền kinh tế Việt Nam đòi hỏi phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Nền kinh

ABSTRACT

The green economy as “one that results in improved human well being and social equity, while significantly reducing environmental risks and ecological scarcities”. The new approach for the economy development based on “Green economy” in Vietnam is definitely necessary for the time being and the future. However, this new kind of model faces difficulties and challenges, yet it is suitable for the global development.

Keywords: *Green economy, green economy in Vietnam, towards a green economy.*

tế Việt Nam thời gian qua tăng trưởng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên với hiệu quả sử dụng thấp, phát thải lớn, do đó, phát triển kinh tế xanh sẽ là phương án lựa chọn tối ưu cho sự phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam.

Theo Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc, nền kinh tế xanh là “nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái” [6]. Như vậy, kinh tế xanh là nền kinh tế (i) thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; (ii) tăng trưởng theo chiều sâu, tiêu hao ít tài nguyên, tăng cường sử dụng tài nguyên tái tạo, tăng cường các ngành công nghiệp sinh thái, và đổi mới công nghệ; (iii) tăng trưởng bền vững, xóa đói giảm nghèo và phát triển công bằng [1]. Kinh tế xanh không chỉ là sự lồng ghép vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế, mà nó đề cập đến cả phát triển cân bằng, hài hòa giữa các mục tiêu.

^(*) TS. GV. Khoa Quản trị kinh doanh, trường Đại học Lao động - Xã hội

2. KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH CỦA VIỆT NAM

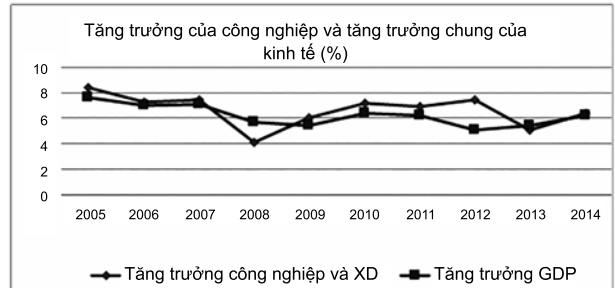
Dưới đây sẽ phân tích môi trường kinh tế - xã hội của Việt Nam (những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức) để nhận định khả năng thành công của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh:

2.1. Thuận lợi

- **Bước đầu đã hình thành khung thể chế cho phát triển kinh tế xanh:** Aghion, Hemous & Veugelers (2009) cho rằng không thể có tăng trưởng xanh nếu không có cải tiến và sự can thiệp của Chính phủ [4]. Nhà nước và khung khổ pháp luật có thể tạo ra sự thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình phát triển nền kinh tế xanh. Trong thực tiễn, một sự phân bổ hiệu quả các nguồn lực và kết quả đầu ra sẽ khó đạt được nếu không có sự can thiệp của Chính phủ. Chất lượng tăng trưởng của ngành kinh tế sẽ được duy trì trong dài hạn ở một quốc gia hay địa phương có thể chế và quy định minh bạch, rõ ràng, tính thực thi của hệ thống pháp luật cao. Chính phủ Việt Nam thể hiện rõ quan điểm và cam kết của mình trong việc thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh. Khung thể chế cho phát triển kinh tế xanh đã bước đầu được hình thành từ việc ban hành Luật đến các Chiến lược và Chương trình hành động cụ thể: Tiếp tục định hướng phát triển bền vững; Chiến lược Tăng trưởng xanh; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chiến lược quốc gia về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Chương trình phát triển nhiên liệu sinh học; Nội dung các hoạt động thuộc kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả.

- **Nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng khá trong nhiều năm qua:** Việt Nam đã trải qua nhiều năm đổi mới, thu được những thành tựu

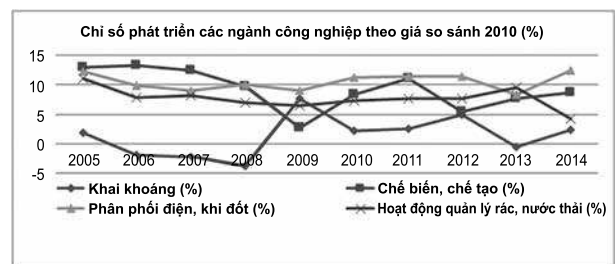
kinh tế - xã hội quan trọng. Đặc biệt, sự tăng trưởng công nghiệp liên tục trong những năm qua tạo ra nội lực bên trong cho một xu thế phát triển mới của nền kinh tế.



Hình 01: Tăng trưởng của nền kinh tế

Nguồn: Tổng Cục thống kê Việt Nam 2005-2014

Công nghiệp là ngành phát thải nhiều nhất trong các ngành kinh tế, tuy nhiên những năm gần đây, ngành đã phát triển theo chiều hướng công nghiệp khai khoáng tăng thấp hoặc giảm để tiết kiệm tài nguyên, năng lượng. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng nhanh hơn, cùng với việc ngành công nghiệp xử lý nước thải, rác thải và tái chế phế liệu tăng với tốc độ cao (hình 02), phản ánh xu hướng tiến đến một nền công nghiệp sạch hơn và một nền kinh tế xanh trong tương lai.



Hình 02: Chỉ số phát triển các ngành công nghiệp

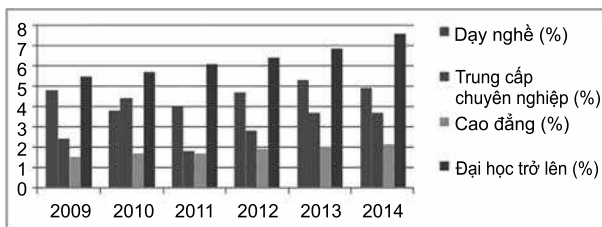
Nguồn: Tổng Cục Thống kê 2005-2014

Đã tiếp nhận chuyển giao và phát triển khoa học, công nghệ: Những tiến bộ nhanh chóng vượt bậc của khoa học công nghệ cho phép khai thác và sử dụng tiết kiệm, hợp lý hơn

các nguồn tài nguyên. Đồng thời, công nghệ hiện đại giúp tận dụng nhiều loại tài nguyên trước đây còn bỏ phí trong hoạt động sản xuất công nghiệp, giảm mức tiêu dùng nguyên vật liệu, giảm lượng chất thải vào môi trường. Do đó, khai thác những mặt tích cực của khoa học công nghệ là hướng lựa chọn quan trọng trong phát triển kinh tế xanh.

Hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ có cơ hội thuận lợi trong tiếp nhận chuyển giao và phát triển năng lực khoa học và công nghệ để phát huy các lợi thế của đất nước nhằm phát triển nền kinh tế xanh. Nhiều doanh nghiệp FDI đã mang công nghệ hiện đại vào Việt Nam và nếu Việt Nam có chính sách phù hợp sẽ khiến các tập đoàn này đầu tư công nghệ cao và góp phần nâng cao năng lực công nghệ của đất nước, kết nối với mạng sản xuất toàn cầu. Mặt khác, trình độ công nghệ của Việt Nam đang có sự cải thiện đáng kể nhờ lợi thế của nước đi sau, có thể tiếp thu chọn lọc những thành tựu khoa học và các quy trình công nghệ phù hợp trên thế giới về phát triển kinh tế xanh, tránh lặp lại kịch bản của nhiều nước đi trước.

Nguồn nhân lực đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao: George, Paschalis & Sotiris (2007) cho rằng chất lượng nguồn nhân lực tác động đến tăng trưởng kinh tế và nguồn nhân lực có chất lượng cao có vai trò quan trọng hơn cả [5].

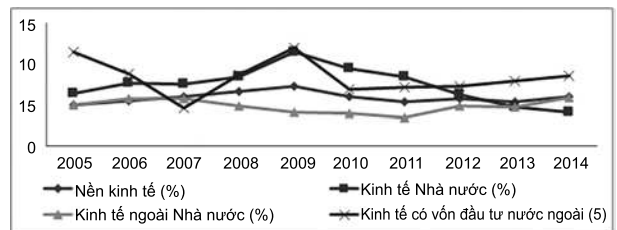


Hình 03: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Nguồn: Tổng Cục thống kê Việt Nam 2009-2014

Ở Việt Nam giai đoạn (2009 - 2014), tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ khá cao (hình 03), có khả năng tiếp thu khoa học nhanh, bí quyết công nghệ và kỹ năng quản lý để phát triển thành nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học công nghệ hiện đại. Đây sẽ là nguồn nhân lực chủ yếu của phát triển kinh tế xanh, nếu được tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng hiệu quả, sẽ là động lực tạo đột phá trong phát triển kinh tế xanh.

2.2 Khó khăn



Hình 04: Hệ số ICOR tính theo vốn đầu tư

Nguồn: Tính toán của tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê

Chất lượng tăng trưởng kinh tế thấp: Những thành tựu phát triển kinh tế của đất nước thời gian qua chủ yếu dựa vào sự đóng góp của nguồn nhân lực chất lượng thấp, vốn và tài nguyên thiên nhiên, do đó, hiệu quả đầu tư thấp (hệ số ICOR rất cao – hình 04). Trong khi đó, Huang & Quibria (2013) cho rằng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên làm chậm đáng kể quá trình thực hiện tăng trưởng xanh [8].



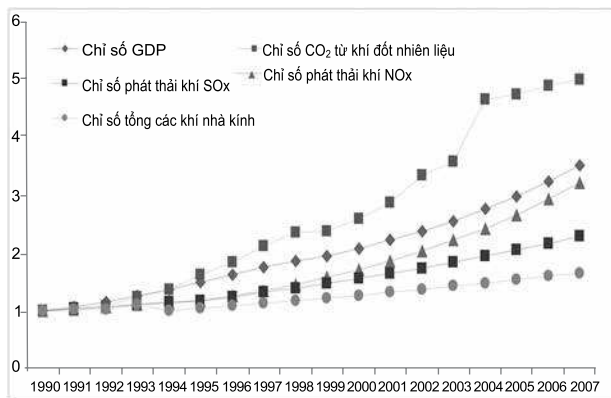
Bảng 01: Sản lượng khai thác một số loại tài nguyên quan trọng ở Việt Nam

Đơn vị tính: Nghìn tấn

TT	Tài nguyên	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Than sạch	38.778	42.483	39.777	44.078	44.835	46.611	42.083	41.035	41.697
2	Dầu thô	16.800	15.920	14.904	16.360	15.014	15.185	16.739	16.705	17.392
3	Sắt và tinh quặng sắt	-	-	1.372	1.904,5	1.972	1.988	1.506	2.435	2.308,2
4	Đồng và tinh quặng đồng	-	-	46,07	51,741	49,04	47,55	50,86	53,35	48.072
5	Quặng Titan	437,4	574,1	681,6	631,3	586,8	760	978,3	1038,3	929,4

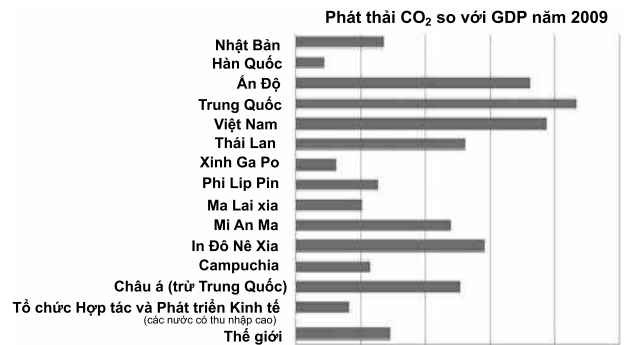
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Như vậy, trong giai đoạn (2006-2014), sản lượng khai thác một số tài nguyên quan trọng của đất nước không ngừng tăng lên (bảng 01). Sự tăng lên khá đều đặn này cũng phản ánh thực tế là tăng trưởng kinh tế của đất nước cho đến nay còn dựa nhiều vào tài nguyên và gắn liền với nó là sức ép ngày càng tăng đối với môi trường (*lượng khí thải CO₂ tăng nhanh hơn nhiều so với tăng trưởng GDP trong cùng thời kỳ - hình 05*).



Hình 05: Tăng trưởng GDP và các chỉ số tuyệt đối về ô nhiễm không khí (1990=1)

Nguồn: UNESCAP và CIEM, 2009



Hình 06: Cường độ phát thải CO₂ so với GDP- So sánh Việt Nam với một số nước

Nguồn: UNESCAP và CIEM, 2009

Cường độ phát thải CO₂ so với GDP của Việt Nam là rất cao (hình 06), cao hơn mức trung bình của châu Á. Do đó việc khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên cần được đặt ra như một yêu cầu nghiêm ngặt ngay trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa nhằm hướng tới nền kinh tế xanh. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phát triển nên rất khó cắt giảm tiêu nhiên liệu, nguyên liệu.

Trình độ công nghệ thấp: Thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất liên tục đầu tư đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường và đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung năng lực

công nghệ của các ngành, nghề hiện nay ở Việt Nam còn lạc hậu. Theo thống kê của Bộ Khoa học công nghệ, hiện chỉ có khoảng 5-6% doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, 80% sử dụng công nghệ trung bình, còn lại là các công nghệ lạc hậu [11]. So với các nước khác trong khu vực, cơ cấu công nghiệp của Việt Nam chưa có độ tinh xảo về công nghệ. Tỷ trọng các ngành sử dụng công nghệ trung bình và cao trong tổng giá trị gia tăng của hoạt động chế tạo chỉ khoảng trên 20% và không thay đổi trong những năm gần đây [9]. Chuyển giao công nghệ ít có những biến đổi về trình độ và năng lực công nghệ. Phần lớn các nhà đầu tư nước ngoài vẫn đầu tư vào Việt Nam ở những ngành, nghề thâm dụng lao động và tài nguyên.

Cơ sở hạ tầng mềm cho kinh tế xanh chưa phát triển: Hạ tầng kiểm soát và quản lý ô nhiễm với công nghệ và phương pháp lạc hậu; vấn đề đo lường quá trình chuyển sang nền kinh tế xanh cần được đổi mới; đánh giá phát thải khí nhà kính chưa có cơ sở.

2.3. Cơ hội

- Xu hướng quốc tế đang chuyển đổi sang nền kinh tế xanh: Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, tăng trưởng xanh hay kinh tế xanh đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của tất cả các quốc gia, như một động lực thúc đẩy, phục hồi kinh tế toàn cầu và là công cụ để phát triển bền vững. Tại Châu Á, “diễn đàn khí hậu Đông Á” năm 2009 đã trao đổi về việc thiết lập các chiến lược tăng trưởng xanh của Đông Á; Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Hàn Quốc (2009) cũng bày tỏ sự đồng thuận cao đối với chính sách tăng trưởng xanh mà chính phủ Hàn Quốc đưa ra; Tại Hội nghị cấp cao Á – Âu (ASEM), Việt Nam đã chính thức đề xuất sáng kiến hợp tác Á – Âu về tăng trưởng xanh (2010); Diễn đàn Hợp tác Á – Âu với chủ đề “Cùng hành động hướng tới các nền kinh tế xanh” (2011) để tìm các cơ chế hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm phát triển xanh giữa các nước; Diễn đàn tăng

trưởng xanh toàn cầu (2011) tại Đan Mạch với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua cơ chế phối hợp công – tư giữa các chính phủ với khối doanh nghiệp. Rõ ràng, với một mức độ quan tâm cao thể hiện qua một loạt các hội nghị, diễn đàn ở các cấp độ quốc tế khác nhau được tổ chức trong những năm gần đây cho thấy xu hướng nhận thức chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình hội nhập hiện nay đều đồng thuận là phải thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế xanh. Do đó, Việt Nam cũng sẽ đón nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong nỗ lực chung nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở hướng tới nền kinh tế xanh. Hơn nữa, thực tế là tăng trưởng xanh ở các quốc gia phát triển như Đức, Đan Mạch, Hàn Quốc... đã thu được những kết quả rõ ràng trong tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và giảm phát thải. Đồng thời, các sáng kiến được các cơ quan Liên hợp quốc thúc đẩy hướng tới nền kinh tế xanh như: Đầu tư công nghệ sạch (WB); Việc làm xanh (ILO); Thị trường công nghệ xanh (WIPO); Tiêu chuẩn công nghệ thông tin xanh (ITU); Giải pháp năng lượng xanh (UN WTO); Sản xuất sạch hơn và hiệu quả sử dụng tài nguyên (UNEP và UNIDO)... đang thu được nhiều kết quả tốt đẹp, sẽ là cơ sở, nền tảng cho nền kinh tế Việt Nam theo hướng xanh hóa.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã nêu rõ “Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”. Như vậy, phát triển kinh tế xanh là phù hợp với Chiến lược dài hạn của Việt Nam và định hướng phát triển bền vững nói chung.

- Việt Nam có tiềm năng to lớn về năng lượng tái tạo: Huang & Quibria (2013) cho rằng năng lượng tái tạo tác động tích cực đến

tăng trưởng xanh [8]. Bởi vì, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo sẽ góp phần giảm lượng phát thải khí nhà kính, làm chậm lại quá trình nóng lên toàn cầu, giúp tăng hiệu suất sử dụng năng lượng đồng thời mở ra cơ hội phát triển mới cho nhiều địa phương. Do đó, việc xem xét, khai thác nguồn năng lượng tái tạo trong giai đoạn tới sẽ có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về kinh tế, xã hội, an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường trong bối cảnh nhu cầu năng lượng của Việt Nam ngày một gia tăng, trong khi khả năng cung cấp các nguồn năng lượng truyền thống hạn chế. Việt Nam là quốc gia có tiềm năng to lớn về năng lượng tái tạo:

+ Năng lượng gió: Theo Đề án “ Quy hoạch tiềm năng năng lượng gió để phát điện” của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tổng tiềm năng kỹ thuật năng lượng gió của Việt Nam vào khoảng 1.785 MW [3].

+ Năng lượng mặt trời: Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, do đó có nguồn năng lượng mặt trời khá dồi dào và thuận tiện cho việc ứng dụng, cường độ bức xạ bình quân năm là 1346,8 – 2153,5 kWh/m²/năm [3].

2.4. Thách thức

- **Nhận thức về kinh tế xanh:** Nhận thức về kinh tế xanh là gì và nội hàm của nó bao gồm những nội dung nào còn là vấn đề tranh cãi. Bởi vì, thực tế, các ngành đường như đã đi ngược với những tuyên bố về tăng trưởng xanh, khi mà trong quy hoạch, trong phát triển dựa vào sử dụng năng lượng, nguyên liệu hóa thạch còn nhiều.

Sản xuất sạch hơn chưa thực sự thành công: Kết quả khảo sát về sản xuất sạch hơn ở Việt Nam của Hợp phần sản xuất sạch hơn trong Công nghiệp (CPI) năm 2015 với 63 sở công thương và 9012 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên toàn quốc thì tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn giảm được tiêu thụ năng lượng, nguyên nhiên liệu trên một đơn vị sản phẩm mới chỉ là 24%, số này chủ yếu do sự hỗ trợ của dự án, đây là con số quá nhỏ so với số lượng doanh nghiệp hiện có ở Việt Nam. Năng

lực quản trị doanh nghiệp về môi trường thể hiện qua số lượng các công ty được nhận chứng chỉ ISO 14001 còn quá ít [10].

Huy động vốn cho nền kinh tế xanh gặp nhiều khó khăn: Mặc dù Việt Nam đã thoát khỏi ngưỡng của nước nghèo nhưng tích lũy quốc gia so với các nước phát triển còn quá thấp, điều này ảnh hưởng nhiều đến quá trình chuyển sang nền kinh tế xanh. Bởi vì, theo Huang & Quibria (2013) cho rằng đầu tư tư nhân, đầu tư chính phủ về khoa học, công nghệ tác động tích cực đến tăng trưởng xanh [8]. Để thực hiện phát triển kinh tế xanh Việt Nam cần các khoản đầu tư lớn để đổi mới công nghệ, đầu tư để phát triển năng lượng tái tạo, đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải còn lại. Theo kết quả của UNEP (2011), mô hình kịch bản đầu tư xanh với số vốn khoảng 2% GDP toàn cầu, nguồn vốn này, nếu huy động từ các nước đang phát triển như Việt Nam là điều không dễ dàng.

Thách thức từ sự hợp tác quốc tế kém hiệu quả: Để giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, đây không phải là công việc riêng của một địa phương hay quốc gia nào, vì vậy, để xử lý vấn đề có tính thách thức toàn cầu này đòi hỏi sự chung tay hành động của cả thế giới, trong khi đó, sẽ có những quốc gia ít thiện chí khi thực hiện cam kết toàn cầu, nên sẽ phá vỡ mục tiêu chống biến đổi khí hậu và phát triển xanh.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ XANH

Qua phân tích thuận lợi, khó khăn, điểm mạnh, điểm yếu đối với Việt Nam trong phát triển kinh tế xanh, rõ ràng Việt Nam còn nhiều khó khăn và thách thức của nước đang phát triển. Vì vậy, việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh khó có thể tiến hành nhanh nếu Việt Nam không có những bước đi đúng đắn trong từng giai đoạn phát triển, cũng như phải có sự chuyển hướng hài hòa nếu không Việt Nam sẽ gặp những vấn đề xã hội do sự chuyển đổi này gây ra. Để chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, Việt Nam cần:

3.1 Thiết lập khung khổ thể chế phù hợp:

Cơ chế, chính sách được thiết kế phù hợp có thể xác định quyền và tạo động lực định hướng cho hoạt động kinh tế xanh, cũng như loại bỏ rào cản đối với các khoản đầu tư xanh và điều tiết những hành vi thiếu bền vững bằng cách tạo ra các tiêu chuẩn tối thiểu hoặc ngăn cấm hoàn toàn một số hoạt động. Cơ chế, chính sách cần tập trung vào tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện “xanh hóa các ngành truyền thống”, mặc dù việc xanh hóa các ngành truyền thống có vẻ không nhanh chóng và mang tính cách mạng so với sự phát triển của những công nghệ tiên tiến nhất, nhưng với tiềm lực tài chính hiện tại, sự đầu tư vào việc sử dụng hiệu quả năng lượng sẽ đem lại hiệu quả về mặt chi phí-lợi ích. Mặt khác phát triển những ngành kinh tế xanh mới nổi, những ngành công nghệ cao, công nghệ xanh, ngành năng lượng tái tạo... sẽ kích thích tạo ra nền kinh tế cacbon thấp, giảm sử dụng tài nguyên, tăng sản lượng hàng hóa và đẩy mạnh xuất khẩu. Đặc biệt, rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, hạn chế những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

3.2. Tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ hiện đại, công nghệ tiết kiệm tài nguyên:

- Thực hiện chuyển giao công nghệ một cách hiệu quả: Chuyển giao công nghệ theo hướng là các tập đoàn đa quốc gia cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước những công nghệ mới với nỗ lực nâng cao năng suất trong chuỗi sản xuất; hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo.

- Tập trung đầu tư, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên vật liệu, năng lượng vào các hoạt động sản xuất thông qua:

+ Khởi động các chương trình dự báo thực trạng công nghệ nhằm nâng cao nhận thức về những điểm yếu trong công nghệ của các ngành và tạo sự đồng thuận giữa các ngành, các cơ sở nghiên cứu và bộ máy quản lý về các giải pháp để khắc phục những điểm yếu đó.

+ Hình thành và phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển theo hướng xanh (Nghiên cứu, ban hành hệ thống các chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn về công nghệ xanh...)

+ Khuyến khích kết nối giữa các doanh nghiệp và các phòng thí nghiệm R & D, các trường đại học, viện nghiên cứu để ứng dụng kết quả nghiên cứu.

+ Tăng cường đầu tư, trợ cấp cho hoạt động R & D tại các doanh nghiệp

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ xanh nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với những ngành chủ lực, mũi nhọn của quốc gia.

3.3. Tăng cường áp dụng các công cụ tài chính: để tăng nguồn tài chính cho thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xanh. Các công cụ kinh tế như thuế tài nguyên; thuế môi trường; ký quỹ môi trường; phí phát thải ô nhiễm. So với công cụ quản lý môi trường truyền thống kiểu mệnh lệnh - kiểm soát, thuế và phí cho phép đạt được mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm đề ra một cách linh hoạt hơn và tiết kiệm chi phí hơn cho toàn xã hội. Thuế, lệ phí có thể là cơ chế hiệu quả để thúc đẩy kinh tế xanh phát triển, các loại thuế có thể được đặt ra trên đầu vào sản xuất, quy trình hoặc các sản phẩm để khuyến khích các nhà sản xuất và người tiêu dùng xem xét các chi phí môi trường và xã hội, và tiền thu từ thuế tài nguyên, môi trường này được sử dụng để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trên thực tế công cụ này đã được sử dụng song chưa hiệu quả, do đó để việc áp dụng thuế và phí tài nguyên, môi trường đạt được hiệu quả cao hơn trong điều kiện Việt Nam hiện nay nên đặt phí, thuế ở một mức thấp trong thời gian đầu, sau đó sẽ tiếp tục tăng lên cho tới khi mức độ ô nhiễm giảm tới điểm các doanh nghiệp, các cơ sở kiểm soát được mức độ ô nhiễm.

Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập mạnh mẽ hiện nay, Việt Nam cần:

- Tăng cường quản trị quốc tế thông qua việc tham gia các hiệp định đa phương về môi trường để thiết lập khuôn khổ pháp lý và thể chế giải quyết những thách thức môi trường toàn cầu; tham gia vào hệ thống giao dịch quốc tế, đàm phán quốc tế về kinh tế xanh giúp thúc đẩy sự gắn kết và hợp tác trong quá trình xanh hóa các nền kinh tế.

- Tiếp tục nghiên cứu, học tập và hoàn thiện cách thức tiến hành kinh tế xanh của các quốc gia phát triển đã xây dựng nền kinh tế xanh như Đức, Đan Mạch, Hàn Quốc... để có bước đi và cách tiến hành phù hợp trong điều kiện của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Quang Thuần, Nguyễn Xuân Trung (2012), *Kinh tế xanh trong đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam giai đoạn tới*, tham luận tại hội thảo diễn đàn kinh tế mùa xuân 2012, tại địa chỉ website: www.na.gov.vn/htx/Vietnamese/C2136/default.asp?Newid=59968
- [2]. Thủ Tướng Chính Phủ (2012), Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Hà Nội.
- [3]. Lê Thành Văn, Nguyễn Thị Thu Trang (2012), “*Tổng quan ngành công nghiệp cacbon thấp trên thế giới, tiềm năng tại Việt Nam*” (Kỳ 1; kỳ 2), tại địa chỉ website: <http://nangluongvietnam.vn/news/vn/an-ninh-nang-luong-va-moi-truong/tong-quan-nganh-cong-nghiep-cacbon-thap-tren-the-gioi-tiem-nang-tai-viet-nam-%28ky-1%29.html>
- [4]. Aghion, Philippe and Hemous, David and Veugelers, Reinhilde, (2009) “No green growth without innovation”, Bruegel Policy Brief 2009/07, available at https://lirias.kuleuven.be/bitstream/123456789/269700/2/pb_climatervpa_231109_01.pdf
- [5]. George Petrakos and Sotiris Pavleas

- Chú trọng tiếp cận những kiến thức xanh và công nghệ xanh của cộng đồng khoa học thế giới.

- Tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính cũng như kỹ thuật từ cộng đồng quốc tế cho các khu vực kinh tế xanh. Đặc biệt, là nguồn vốn đầu tư 2% GDP toàn cầu cho phát triển Kinh tế xanh.

Chuyển đổi sang nền kinh tế xanh là sự khẳng định thực hiện chiến lược kinh tế xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Mặc dù có những trở ngại nhất định, nhưng nếu có những giải pháp thích hợp bằng nội lực của quốc gia, cũng như thông qua sự chia sẻ kinh nghiệm, sự hỗ trợ quốc tế, Việt Nam có thể xây dựng thành công nền kinh tế xanh để hội nhập quốc tế.

(2007), Determinants of economic growth: the experts' view, available at http://www.prd.uth.gr/uploads/discussion_papers/2007/uth-prd-dp-2007-10_en.pdf.

[6]. UNEP (2011), *Towards a Green Economy: Pathways to sustainable Development and Poverty Eradication (A Synthesis for Policy Makers)*, available at: www.ipu.org/splz-e/rio+20/rpt-unep.pdf.

[7]. UNEP (2011b), *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication*, available at: www.unep.org/greeneconomy/2011/Green%20EconomyReport_Final_Dec2011.pdf.

[8]. Yongfu Huang and M.G. Quibria (2013), “Green growth: theory and evidence”, Working Paper No.2013/056, available at: www.eadi.org/publications/_growth/_green.../details_46265.

[9]. UNIDO (2012), *Báo cáo năng lực cạnh tranh công nghiệp Việt Nam 2011*

[10]. <http://sxsh.vn/vi-VN/Home/tongquansanxuatsachhon-14/2011/San-xuat-sach-hon-tren-toan-quoc-874.aspx>

[11]. <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/doanh-nghiep-cong-nghe-cao-chi-dem-tren-dau-ngon-tay-2752206.html>